

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 28/12/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuởng

Ông Phạm Văn Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N - sinh năm: 1989

ĐKHKTT tại: Chung cư Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: Đường P, phường P, thành phố T, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Trịnh Trung S - sinh năm 1983

ĐKNKTT và chỗ ở: Chung cư Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt chị N và anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và được bổ sung bằng lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn Chị Bùi Thị N trình bày:

Chị và anh Trịnh Trung S xây dựng gia đình với nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, nhưng đến năm 2015 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng ở riêng vì khi đó cả hai vợ chồng đều làm ở Hà Nội, đến khi chuẩn bị sinh con thì đến năm 2016 thì vợ chồng mới về chung sống tại gia đình anh Sơn ở Chung cư Đ, phường Đ, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 01 năm, thì đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ, tính cách khác nhau nên không tìm được tiếng nói chung trong việc xây dựng gia đình nên vợ chồng thường xảy ra to tiếng, xúc phạm nhau. Là vợ chị cam chịu sống vì con nên đã cố gắng chịu đựng để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm, đến tháng 08/2020 vợ chồng thống nhất đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, được Tòa án thụ lý khuyên giải để vợ chồng quay về đoàn tụ, nên chị đã rút đơn và không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau khi rút đơn anh S vẫn không thay đổi cách sống và sinh hoạt trong gia đình, nên chị tiếp tục làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Trung S vì chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, có níu kéo cũng ảnh hưởng cuộc sống vì vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm và ly thân nhau từ tháng 09/2020 đến nay không ai quan tâm và có trách nhiệm đến nhau. Nay chị xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Trung S để chị được ổn định cuộc sống.

**Anh Trịnh Trung S trình bày:* Anh cũng thống nhất như ý kiến Chị Bùi Thị N trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Anh cũng thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 08/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, nên chị N không thông cảm cho gia đình anh, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, nên vợ chồng quyết định làm đơn đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn vào tháng 08/2020, được Tòa án phân tích, khuyên giải nên chị N rút đơn và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng sau khi rút đơn về anh đã tìm mọi biện pháp tác động đến gia đình và bạn bè nhưng chị N vẫn không thay đổi quan điểm. Nay chị N có đơn khởi kiện ly hôn, anh cũng thừa nhận vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm và sống ly thân từ tháng 09/2020 đến nay, nhưng nguyện vọng anh tha thiết xin được đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái, còn chị N cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh S thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Đức T sinh ngày 27/12/2016. Ly hôn nguyện vọng của chị N và anh S đều xin được nuôi cháu T. Nếu chị N và anh S được nuôi con thì anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh S, xin được nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quan điểm của anh S thống nhất thuận tình ly hôn và xin được nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố T phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Tòa án và đương sự đã tuân thủ đúng theo qui định của Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết cũng như xét xử vụ án. Về đường lối: Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh S. Về con cái: Giao cháu Trịnh Đức T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản và công nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và công bố các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị N có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là anh Trịnh Trung S. Do đó đây là vụ án ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh S kết hôn năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã có thời gian ngắn hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến chị N xin ly hôn với anh S là do bất đồng quan điểm và cách sống của hai người không hợp, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nên vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm và ly thân nhau từ tháng 09/2020 đến nay không ai quan tâm và có trách nhiệm đến nhau. Nay chị N và anh S đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên thống nhất thuận

tình ly hôn, căn cứ Điều 55 của Luật HNGĐ xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai người.

[2] Về con chung: Chị N và anh S thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Đức T sinh ngày 27/12/2016. Ly hôn chị N và anh S đều có nguyện vọng xin được nuôi con và cả hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các bên đương sự thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Song việc giao con cho ai nuôi cần xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Chị N và anh S đều có sức khỏe, có việc làm, có thu nhập và có nơi ở ổn định. Tuy nhiên, cháu T đang còn nhỏ, tính đến ngày xét xử cháu mới được 04 tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó việc giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và cũng phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị N nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh Sơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, vì chị cũng chứng minh được thu nhập. Việc chị Nga không yêu cầu anh Sơn cấp dưỡng tiền nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật HNGĐ cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: **Xử:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Bùi Thị N

và anh Trịnh Trung S.

- Về con chung: Công nhận cháu Trịnh Đức T sinh 27/12/2016 là con chung của Chị Bùi Thị N và anh Trịnh Trung S.

Giao cháu Trịnh Đức T cho Chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị Bùi Thị N không yêu cầu anh Trịnh Trung S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Sơn được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Bùi Thị N và anh Trịnh Trung S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị N nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2018/0001533 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T (chị N đã nộp đủ án phí DSST).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. T;
- VKSND TP.T;
- UBND phường Đ, Thành phố T;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh